BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

HUYỆN BÌNH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

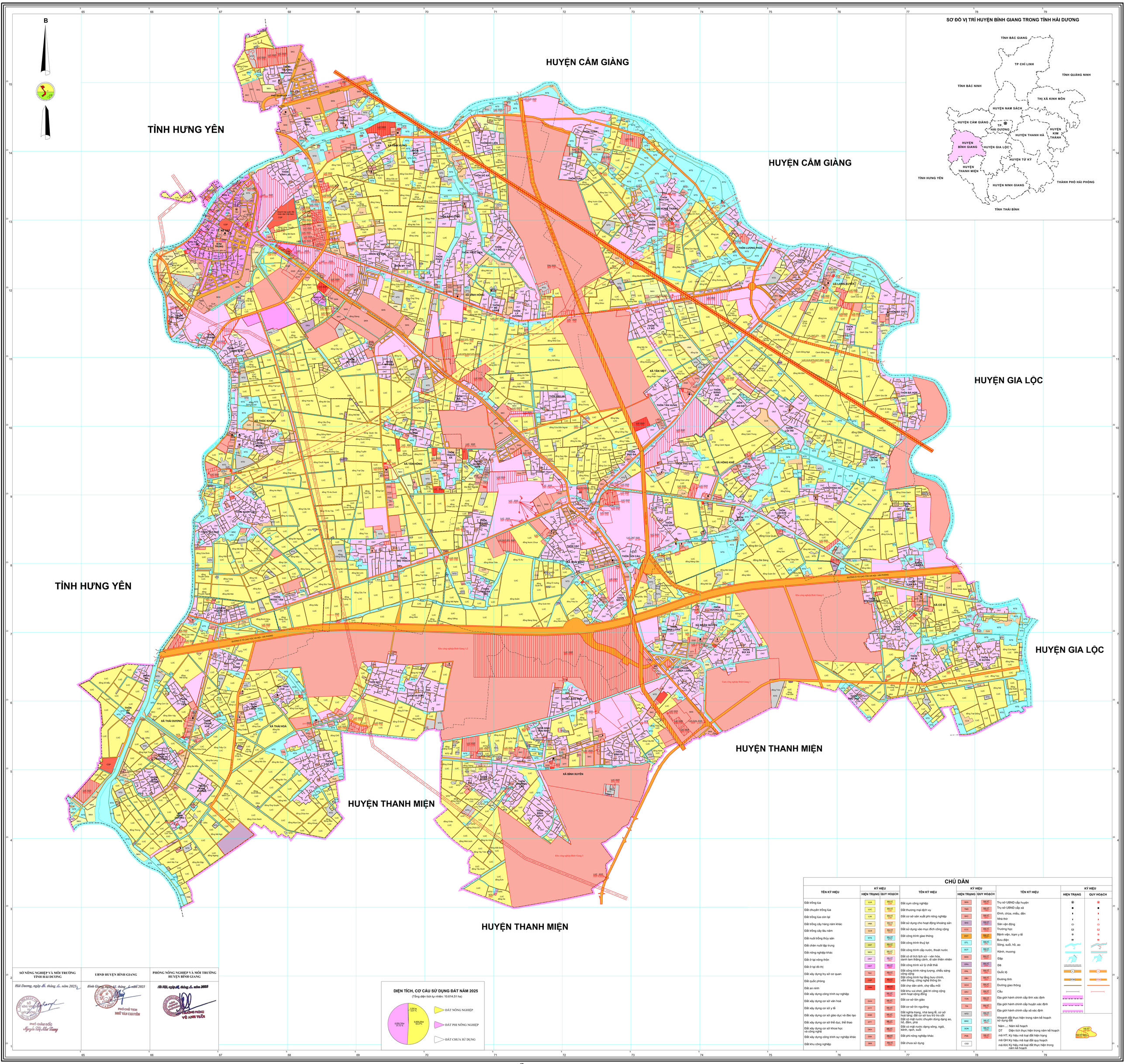

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG	UBND HUYỆN BÌNH GIANG	PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN BÌNH GIANG
Hải Dương, ngày 16 tháng 6 năm 2025	Bình Giang, ngày 12 tháng 6 năm 2025	Bình Giang, ngày 12 tháng 6 năm 2025
PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Tiến Minh Giang	PHÓ CHỦ TỊCH Nhữ Văn Chuyên	TRƯỞNG PHÒNG Vũ Anh Tuấn

CHÚ DẪN

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH
Đất trồng lúa	LUA	Mã HT (LUA)
Đất chuyên trồng lúa	LUC	Mã HT (LUC)
Đất trồng lúa còn lại	LUK	Mã HT (LUK)
Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	Mã HT (HNK)
Đất trồng cây lâu năm	CLN	Mã HT (CLN)
Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	Mã HT (NTS)
Đất chăn nuôi tập trung	CNT	Mã HT (CNT)
Đất nông nghiệp khác	NKH	Mã HT (NKH)
Đất ở tại nông thôn	ONT	Mã HT (ONT)
Đất ở tại đô thị	ODT	Mã HT (ODT)
Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	Mã HT (TSC)
Đất quốc phòng	CQP	Mã HT (CQP)
Đất an ninh	CAN	Mã HT (CAN)
Đất xây dựng công trình sự nghiệp		Mã HT (DSN)
Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	Mã HT (DVH)
Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	Mã HT (DYT)
Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	Mã HT (DGD)
Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	Mã HT (DTT)
Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	Mã HT (DKH)
Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	Mã HT (DSK)
Đất khu công nghiệp	SKK	Mã HT (SKK)

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH
Đất cụm công nghiệp	SKN	Mã HT (SKN)
Đất thương mại dịch vụ	TMD	Mã HT (TMD)
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	Mã HT (SKC)
Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	Mã HT (SKS)
Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	Mã HT (CCC)
Đất công trình giao thông	DGT	Mã HT (DGT)
Đất công trình thuỷ lợi	DTL	Mã HT (DTL)
Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	Mã HT (DCT)
Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	Mã HT (DDD)
Đất công trình xử lý chất thải	DRA	Mã HT (DRA)
Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	Mã HT (DNL)
Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	Mã HT (DBV)
Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	Mã HT (DCH)
Đất khu vui chơi, giải trí công cộng sinh hoạt cộng đồng	DKV	Mã HT (DKV)
Đất cơ sở tôn giáo	TON	Mã HT (TON)
Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	Mã HT (TIN)
Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	Mã HT (NTD)
Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	Mã HT (MNC)
Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	Mã HT (SON)
Đất phi nông nghiệp khác	PNK	Mã HT (PNK)
Đất chưa sử dụng	CSD	

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH
Trụ sở UBND cấp huyện		
Trụ sở UBND cấp xã		
Đình, chùa, miếu, đền		
Nhà thờ		
Sân vận động		
Trường học		
Bệnh viện, trạm y tế		
Bưu điện		
Sông, suối, hồ, ao		
Kênh, mương		
Đập		
Đê		
Quốc lộ	QL	QL
Đường tỉnh	ĐT DH	ĐT DH
Đường giao thông		
Cầu		
Địa giới hành chính cấp tỉnh xác định		
Địa giới hành chính cấp huyện xác định		
Địa giới hành chính cấp xã xác định		
Khoanh đất thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất		

Năm .... Năm kế hoạch
DT Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch
mã HT: Ký hiệu mã loại đất hiện trạng
mã QH: Ký hiệu mã loại đất quy hoạch
mã KH: Ký hiệu mã loại đất thực hiện trong năm kế hoạch

NGUỒN TÀI LIỆU

- Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bình Giang
- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bình Giang
- Số liệu điều tra khoanh vẽ, bản vẽ trích đo các dự án và các nguồn tài liệu khác

TỶ LỆ 1 : 10000